

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 10 NĂM 2017
ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

Tháng 1 năm 2018

MỤC LỤC

<u>TRANG</u>	
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8-9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Damsan (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Huy Đông	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Khôi	Ủy viên
Ông Nguyễn Lê Hùng	Ủy viên
Ông Vũ Huy Đức	Ủy viên
Ông Lê Văn Tuấn	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Huy Đông	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Phương Diệp	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Xuân Chiến	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác..

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Vũ Huy Đông
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 01 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

MẪU SỐ B 01a-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,088,603,986,311	622,232,481,528
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		161,994,151,164	9,215,259,570
1. Tiền	111		161,994,151,164	3,895,384,570
2. Các khoản tương đương tiền	112			5,319,875,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		254,273,550,814	183,483,437,273
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		254,273,550,814	183,483,437,273
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		371,326,917,474	219,206,422,956
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		182,874,749,727	123,329,478,751
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		41,595,806,202	19,928,113,661
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		56,757,812,036	1,532,500,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		96,373,543,536	80,519,545,234
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-6,274,994,027	-6,109,904,385
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			6,689,695
IV. Hàng tồn kho	140		286,877,766,588	191,382,682,255
1. Hàng tồn kho	141		286,877,766,588	191,382,682,255
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14,131,600,271	18,944,679,474
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		572,490,065	629,177,515
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11,919,892,173	17,571,875,196
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1,639,218,033	743,626,763
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		264,274,211,167	316,111,967,302
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3,730,131,090	3,730,131,090
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		3,730,131,090	3,730,131,090
II. Tài sản cố định	220		189,711,631,007	195,823,743,260
1. Tài sản cố định hữu hình	221		164,822,116,679	167,248,005,056
- Nguyên giá	222		411,789,843,660	382,171,913,352
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-246,967,726,981	-214,923,908,296
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		23,590,199,913	27,128,729,901
- Nguyên giá	225		35,385,299,873	35,385,299,873
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-11,795,099,960	-8,256,569,972

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017

Đến ngày 31/12/2017

3. Tài sản cố định vô hình	227		
- Nguyên giá	228	1,299,314,415	1,447,008,303
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	2,285,306,375	2,285,306,375
III. Bất động sản đầu tư	230	-985,991,960	-838,298,072
- Nguyên giá	231		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		22,839,033,861
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		22,839,033,861
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	60,000,000,000	84,600,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	60,000,000,000	84,600,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		
VI. Tài sản dài hạn khác	260	10,832,449,070	9,119,059,091
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10,605,629,111	8,892,239,132
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	226,819,959	226,819,959
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		
4. Tài sản dài hạn khác	268		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	1,352,878,197,478	938,344,448,830
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	956,915,961,773	703,822,595,389
I. Nợ ngắn hạn	310	906,816,630,868	611,419,280,899
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	100,902,580,204	48,288,467,583
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	26,323,671,180	112,506,729,343
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4,311,161,219	4,932,701,129
4. Phải trả người lao động	314	3,380,262,604	3,204,878,622
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	380,957,980	1,435,924,481
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	703,641,803	590,278,067
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	200,898,441,298	4,189,298,593
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	568,235,835,480	434,590,923,981
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	1,680,079,100	1,680,079,100
13. Quỹ bình ổn giá	323		
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		
II. Nợ dài hạn	330	50,099,330,905	92,403,314,490
1. Phải trả người bán dài hạn	331		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		
7. Phải trả dài hạn khác	337		
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	50,099,330,905	92,403,314,490
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017

Đến ngày 31/12/2017

11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	395,962,235,705	234,521,853,441
I. Vốn chủ sở hữu	410	395,962,235,705	234,521,853,441
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	255,178,010,000	168,734,810,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	60,283,587,273	322,900,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415	2,294,024,276	2,294,024,276
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	5,007,392,770	5,007,392,770
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	73,199,221,386	58,162,726,395
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	24,414,764,395	29,826,442,733
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	48,784,456,991	28,336,283,662
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
1. Nguồn kinh phí	431		
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	1,352,878,197,478	938,344,448,830



Vũ Huy Đông
 Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 01 năm 2018

(Signature)
Lê Xuân Chiến
 Kế toán trưởng

(Signature)
Bùi Thị Thu Huyền
 Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017
 Đến ngày 31/12/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/10/2016 đến 31/12/2016	Lũy kế năm 2017	Lũy kế năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		515,171,402,525	390,001,530,363	1,849,628,078,300	1,370,053,000,292
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0	732,509,861	2,333,239,306
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 - 2)	10		515,171,402,525	390,001,530,363	1,848,895,568,439	1,367,719,760,986
4. Giá vốn hàng bán	11		501,839,338,168	364,939,024,271	1,773,044,829,455	1,298,775,396,035
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 4 - 11)	20		13,332,064,357	25,062,506,092	75,850,738,984	68,944,364,951
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		13,040,273,225	10,154,737,796	40,216,531,541	19,840,866,961
7. Chi phí tài chính	22		4,013,183,237	11,741,110,781	24,462,985,410	27,642,709,647
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4,013,183,237	6,715,412,141	24,462,985,410	21,467,194,582
8. Chi phí bán hàng	25		3,831,106,224	2,367,751,612	12,908,779,459	9,749,954,897
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		8,379,734,945	7,481,151,383	22,527,715,760	22,491,315,400
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 6 - 7 - 8 - 9)	30		10,148,313,176	13,627,230,112	56,167,789,896	28,901,251,968
11. Thu nhập khác	31		310,351,730	293,368,955	817,038,928	4,235,737,061
12. Chi phí khác	32		113,921,113	48,815,268	1,924,877,802	471,234,926
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		196,430,617	244,553,687	-1,107,838,874	3,764,502,135
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		10,344,743,793	13,871,783,799	55,059,951,022	32,665,754,103
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1,559,478,572	1,515,068,070	6,275,494,031	4,510,970,400
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	-181,499,959
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 15 - 16)	60		8,785,265,221	12,356,715,729	48,784,456,991	28,336,283,662
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		0	0	0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		0	0	0	0

Vũ Huy Đông

Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 01 năm 2018

Lê Xuân Chiến

Kế toán trưởng

Bùi Thị Thu Huyền
 Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

MÃU SỐ B 03a-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		55,059,951,022	32,665,754,103
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2		0	0
- Các khoản dự phòng	3		35,730,042,561	36,239,737,926
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		-165,089,642	-360,774,399
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		0	-1,315,918,820
- Chi phí lãi vay	6		-41,033,570,469	-19,626,965,459
- Các khoản điều chỉnh khác	7		24,462,985,410	21,467,194,582
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		74,054,318,882	69,069,027,933
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9			
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-90,594,788,317	-84,398,621,530
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		-95,495,084,333	-38,887,261,090
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		166,932,586,471	-21,279,835,558
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-1,713,389,979	2,948,253,669
- Tiền lãi vay đã trả	14		0	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-24,668,941,199	-20,234,822,150
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-4,125,181,500	-1,800,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24,389,520,025	-94,583,258,726
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-30,695,556,220	-45,824,103,141
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		898,742,821	6,415,545,454
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-16,201,010,121	-43,191,973,428
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		24,600,000,000	87,098,761,797
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		0	17,671,485,552
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-21,397,823,520	22,169,716,234
			0	0
			146,403,887,273	0

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017

Đến ngày 31/12/2017

2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		1,683,986,880,892	1,290,615,199,123
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-1,643,085,158,366	-1,196,818,737,675
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-3,770,452,710	-14,771,997,291
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-33,747,962,000	-16,070,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		149,787,195,089	62,954,464,157
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		152,778,891,594	-9,459,078,335
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9,215,259,570	18,708,675,221
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	-4,237,316
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		161,994,151,164	9,245,359,570



Ngày 26 tháng 01 năm 2018

(Signature)
 Lê Xuân Chiến
 Kế toán trưởng

(Signature)
 Bùi Thị Thu Huyền
 Người lập

I. THÔNG TIN KHAI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Damsan hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1000389853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 12 tháng 6 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 ngày 23 tháng 03 năm 2017.

Theo báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng ngày 21/12/2017, vốn điều lệ của Công ty là 255.178.010.000 (Hai trăm năm mươi lăm tỷ, một trăm bảy mươi tám triệu, không trăm mười nghìn đồng./.), tổng số cổ phần là 25.517.801 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Công ty đang thực hiện thay đổi lại đăng ký kinh doanh theo đúng phần vốn góp tại Công ty

Vốn pháp định của Công ty là 6.000.000.000 đồng (6 tỷ đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch là ADS.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 679 người (tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 là 685 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất sợi, vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán buôn sợi dệt, bông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: Bán lẻ hàng may mặc trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại, chi tiết: Bán buôn sắt, thép, bán buôn kim loại màu (trừ bán buôn vàng);
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất thảm, chăn đệm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017
 Đến ngày 31/12/2017

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sợi, vải dệt thoi, hoàn thiện sản phẩm dệt
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép, chi tiết: Bán buôn vải, hàng may sẵn;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán buôn sợi dệt, bông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dệt may;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng đối với hoạt động sản xuất sợi, vải dệt thoi, bán buôn sợi dệt, bông, trên 12 tháng đối với hoạt động xây dựng các công trình dân dụng như nhà ở xã hội, chung cư.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Damsan bao gồm:

Công ty con	Địa chỉ:
Công ty cổ phần sợi EIFFEL	Khu công nghiệp Gia Lễ - Xã Đông Mỹ, Thành Phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017

Đến ngày 31/12/2017

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải

thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017

Đến ngày 31/12/2017

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản cố định

Nhà cửa, vật kiến trúc

Máy móc và thiết bị

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

Thiết bị, dụng cụ quản lý

Thuê tài sảnSố năm

06- 20 năm

05-10 năm

07-10 năm

03-05 năm

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Máy móc, thiết bị

Số năm

10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy vi tính khấu hao trong 7 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ bao gồm: Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng 1 lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng trên một năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017

Đến ngày 31/12/2017

- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập phát sinh từ dự án Nhà máy Damsan I là thuế suất 15% áp dụng trong 12 năm, miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo. Thu nhập từ dự án Nhà máy Damsan II được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế suất 20% áp dụng trong thời gian 10 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 3 năm tiếp theo. Thu nhập từ dự án Xây dựng nhà thu nhập thấp được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế suất 10%. Năm 2017 là năm thứ 10 Công ty có lãi từ dự án nhà máy Damsan I và là năm thứ 7 công ty có lãi từ dự án nhà máy Damsan II.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017

Đến ngày 31/12/2017

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	30/09/2017
	VND	VND
Tiền mặt	461,344,701	937,645,999
Tiền gửi ngân hàng	161,532,806,963	13,072,463,006
Các khoản tương đương tiền (i)	-	1,519,875,000
Cộng	161,994,151,664	15,529,984,005

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017	30/09/2017
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	254,273,550,814	234,825,413,731
Cộng	254,273,550,814	234,825,413,731

Chi tiết

	31/12/2017	30/09/2017
Ngân hàng NN& PTNT Chi nhánh Tây Đô_ Hà Nội (a)	28,728,125,000	28,728,125,000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình (b)	58,707,975,830	59,414,275,310
Ngân hàng HDBank - CN Ba Đình, Hà Nội (c)	22,618,499,340	22,618,499,340
Ngân hàng TMCP Công thương CN Thái Bình (d)	13,950,000,000	5,000,000,000
Ngân hàng MBBank - CN Thái Bình (e)	55,043,090,491	52,445,285,333
Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN - CN Thái Bình (f)	40,942,880,016	40,876,248,611
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, CN Thái Bình (g)	1,161,880,191	1,161,880,191
Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc tế Tại Thái Bình (h)	1,131,099,946	1,131,099,946
Cty Tài chính TNHH MTV ngân hàng VN Thịnh Vượng (i)	23,190,000,000	19,650,000,000
Ngân hàng TNHH Indovina Chi nhánh Hà Nội (J)	8,800,000,000	3,800,000,000

a, Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Đô, Hà Nội bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất từ 6.5 % /năm đến 6,8 %/năm.

b, Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 6.5 %/năm đến 6.7%/năm số tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Hữu Đạo, có lãi suất 6.8 %/năm

c, Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Ba Đình bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 7 %/năm và các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn, có lãi suất 7.5 %/năm đến 7,55 %/năm

d, Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 6.5 %/năm.

e, Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 6.2 %/năm đến 6.7 %/năm

f, Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình bao gồm các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất từ 7,4 %/năm đến 7,5% %/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017
 Đến ngày 31/12/2017

g, Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Thái Bình bao gồm các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 6.2 %/năm.

h, Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt nam, Chi nhánh Thái Bình bao gồm các sổ tiết kiệm ủy quyền đứng tên ông Vũ Huy Đông có kỳ hạn 12 tháng, có lãi suất 7.1 %/năm.

i, Tiền gửi tiết kiệm tại Công ty tài chính TNHH MTV ngân hàng Việt nam Thịnh Vượng có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất từ 9.75 đến 10%/ năm.

i, Tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Hà Nội có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 7%/ năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	30/09/2017
Phải thu khách hàng nước ngoài	28,570,214,764	40,651,398,119
Phải thu khách hàng trong nước	32,000,301,193	71,676,788,517
Phải thu khách hàng mua bất động sản	122,304,233,770	26,585,422,583
Cộng	182,874,749,727	138,913,609,219

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	30/09/2017
	VND	VND
Trả trước cho nhà thầu xây lắp	32,655,939,514	10,147,966,695
Trả trước cho hoạt động sản xuất kinh doanh	8,939,866,688	25,494,989,499
Nhà cung cấp trong nước	-	16,853,216,795
Nhà cung cấp nước ngoài	8,939,866,688	8,641,772,704
Cộng	41,595,806,202	35,642,956,194

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017	30/09/2017
	VND	VND
Phải thu tiền tạm ứng GPMB(*)	55,854,812,036	55,854,812,036
Phải thu về cho vay ngắn hạn khác	903,000,000	903,000,000
Cộng	56,757,812,036	56,757,812,036

(*) Khoản phải thu tiền tạm ứng GPMB là khoản tiền công ty chuyển cho Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố Thái bình thực hiện GPMB công trình khu nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp tại Tổ 39-40 Phường Quang Trung và các dự án đối ứng. Khoản tiền này được nhà nước thanh toán tiền lãi là 10.4%/năm kể từ khi nhà đầu tư ứng tiền tới khi công trình xây dựng hoàn thành bàn giao

6. Phải thu khác

	31/12/2017	30/09/2017
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	0	
Phải thu người lao động	-	
Ký cược ký quỹ	1,750,388,770	503,388,770

	Phải thu khác	94,623,154,766	92,251,246,470
	Cộng	96,373,543,536	92,754,635,240
7.	Nợ xấu		
		31/12/2017	30/09/2017
		VND	VND
	Dự phòng phải thu khách hàng	6,274,994,027	6,274,994,027
8.	Hàng tồn kho		
		31/12/2017	30/09/2017
		VND	VND
	Hàng mua đang đi đường	0	
	Nguyên liệu, vật liệu	67,493,958,505	146,405,053,499
	Công cụ, dụng cụ	6,631,872,320	5,032,447,122
	Chi phí SXKD dở dang	174,539,600,249	110,597,016,119
	<i>Dờ dang các dự án xây dựng</i>	<i>149,648,260,917</i>	<i>84,437,097,116</i>
	<i>Sản phẩm dở dang</i>	<i>24,891,339,332</i>	<i>26,159,919,003</i>
	Thành phẩm	32,019,644,804	21,049,013,994
	Hàng hóa	6,083,484,831	9,627,924,859
	Hàng gửi đi bán	109,205,879	10,626,314,079
	Cộng giá gốc	286,877,766,588	303,337,769,672
9.	Phải thu dài hạn khác		
		31/12/2017	30/09/2017
		VND	VND
	Cầm cố, ký cược dài hạn	3,730,131,090	3,730,131,090
	Cộng		

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017
 Đến ngày 31/12/2017

9. Tài sản cố định hữu hình**Tăng, giảm TSCĐ hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/10/2017	81,522,428,137	316,835,638,103	10,360,226,824	538,782,637	409,257,075,701
Mua trong năm	1,429,096,925	773,352,124	352,630,910	-	2,555,079,959
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-
Phân loại lại	-	-	-	-	-
Mua sắm trong năm	-	-	-	22,312,000	22,312,000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	82,951,525,062	317,608,990,227	10,712,857,734	516,470,637	411,789,843,660
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/10/2017	26,793,488,552	207,334,347,756	3,495,774,901	406,124,888	238,029,736,097
Khấu hao trong kỳ	1,279,403,749	7,175,985,430	482,601,705	8,937,990,884	8,937,990,884
Tăng khác	-	-	-	-	-
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	28,072,892,301	214,510,333,186	3,978,376,606	406,124,888	246,967,726,981
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/10/2017	54,728,939,585	109,501,290,347	6,864,451,923	132,657,749	171,227,339,604
Tại ngày 31/12/2017	54,878,632,761	103,098,657,041	6,734,481,128	110,345,749	164,822,116,679

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 61.262.827.422 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay là 159.478.888.659 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017
Đến ngày 31/12/2017

11. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/10/2017	35,385,299,873	35,385,299,873
Tại ngày 31/12/2017	35,385,299,873	35,385,299,873
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/10/2017	10,910,467,463	10,910,467,463
Khấu hao trong kỳ	884,632,497	884,632,497
Tại ngày 31/12/2017	11,795,099,960	11,795,099,960
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/10/2017	24,474,832,410	24,474,832,410
Tại ngày 31/12/2017	23,590,199,913	23,590,199,913

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/10/2017	1,925,306,375	360,000,000	2,285,306,375
Tại ngày 31/12/2017	1,925,306,375	360,000,000	2,285,306,375
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/10/2017	601,925,654	338,571,406	940,497,060
Khấu hao trong kỳ	41,209,186	4,285,714	45,494,900
Tại ngày 31/12/2017	643,134,840	342,857,120	985,991,960
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/10/2017	1,323,380,721	21,428,594	1,344,809,315
Tại ngày 31/12/2017	1,282,171,535	17,142,880	1,299,314,415

13. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/09/2017		31/12/2017	
	Số lượng cổ phần	Giá gốc (triệu đồng)	Số lượng cổ phần	Giá gốc (Triệu đồng)
Công ty cổ phần Sợi EIFFEL	6,000,000	60,000,000	6,000,000	60,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017
Đến ngày 31/12/2017

(*) Theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 cần được trình bày và được xác định giá trị hợp lý trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ. Do Công ty Cổ phần sợi Eiffel chưa niêm yết nên chúng tôi không có cơ sở để đánh giá và trình bày giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 trên thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

STT công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết	Lĩnh vực hoạt động
Công ty cổ phần sợi Eiffel	Thái Bình	80%	Sản xuất sợi

14. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017	30/09/2017
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chưa phân bổ	9,870,927,404	9,078,505,798
Chi phí trả trước dài hạn khác	734,701,707	393,086,264
Cộng	10,605,629,111	9,471,592,062

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017	30/09/2017
	VND	VND
Phải trả cho nhà thầu xây lắp	38,370,715,113	20,212,815,466
Phải trả cho hoạt động sản xuất kinh doanh	62,531,865,091	126,451,342,342
Cộng	100,902,580,204	146,664,157,808

Công ty xác định có khả năng thanh toán 100% các khoản công nợ phải trả người bán khi đến hạn thanh toán.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2017	30/09/2017
Trả trước cho hoạt động xây lắp	16,559,160,941	26,560,948,828
Trả trước cho hoạt động kinh doanh	9,764,510,239	11,401,485,297
Cộng	26,323,671,180	37,962,434,125

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/09/2017	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế TNDN	5,211,459,756	1,800,697,244	2,700,995,781	4,311,161,219
Thuế GTGT phải nộp	-	-	-	-
Cộng	5,211,459,756	1,800,697,244	2,700,995,781	4,311,161,219

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	30/09/2017
	VND	VND

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017
 Đến ngày 31/12/2017

Chi phí lãi vay phải trả	380,957,980	1,355,861,092
Cộng	380,957,980	1,355,861,092

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	30/09/2017
	VND	VND
+ Kinh phí công đoàn	234,400,318	221,880,571
+ Bảo hiểm xã hội	-	-
+ Bảo hiểm y tế	-	253,479,379
+ Bảo hiểm thất nghiệp	-	1,476,534
+ Nhận ký quỹ ký cược ngắn hạn	-	-
+ Các khoản phải trả phải nộp khác	200,664,040,980	124,816,267,740
Cộng	200,898,441,298	125,293,104,224

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**a. Vay ngắn hạn bằng đồng VND**

	31/12/2017	30/09/2017
	VND	VND
Ngân hàng NN& PTNT Chi nhánh Tây Đô_ Hà Nội	110,731,001,600	79,321,869,928
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình	30,350,000,000	19,901,296,511
Ngân hàng TNHH INDOVINA		0
Ngân hàng MBBank - CN Thái Bình		
Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN - CN Thái Bình		
Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc tế Tại Thái Bình		
Ngân hàng HDBank - CN Ba Đình, Hà Nội		
Cộng	141,081,001,600	99,223,166,439

b. Vay ngắn hạn bằng đồng USD

Ngân hàng NN& PTNT Chi nhánh Tây Đô_ Hà Nội	38,984,917,658	17,841,254,328
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình	28,926,359,828	24,664,664,829
Ngân hàng HDBank - CN Ba Đình, Hà Nội	22,275,318,490	22,397,776,760
Ngân hàng TNHH INDOVINA	76,342,026,111	94,241,105,000
Ngân hàng MBBank - CN Thái Bình	59,468,300,442	58,654,032,333
Ngân hàng TMCP Đại Chúng VN - CN Thái Bình	99,960,643,627	66,652,693,627
Chi nhánh Ngân hàng TMCP Quốc tế Tại hải phòng	64,921,651,705	54,390,396,829
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở	8,874,654,425	
Cộng	399,753,872,286	338,841,923,706

c. Nợ dài hạn đến hạn trả trong vòng 01 năm

Ngân hàng NN& PTNT Chi nhánh Tây Đô_ Hà Nội	8,660,239,815	15,450,842,815
Ngân hàng MBBank - CN Thái Bình	4,191,708,118	4,191,708,118
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc Tế Việt Nam	2,154,843,006	217,785,876
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở	1,394,170,655	1,275,139,620

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017
 Đến ngày 31/12/2017

Ngân hàng TMCP Đầu tư PTVN - CN Thái Bình	11,000,000,000	11,000,000,000
Cộng	27,400,961,594	32,135,476,429
Tổng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	568,235,835,480	470,200,566,574

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay khi đến hạn thanh toán.

{a}: Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 2150/IVB-HĐHM/2017 ngày 20 tháng 12 năm 2017 với Ngân hàng TNHH INDOVINA - Chi nhánh Hà Nội. Tổng hạn mức tín dụng là 4.000.000 USD (bốn triệu đô la Mỹ chẵn), mục đích vay là tài trợ vốn lưu động, mở thư tín dụng, phát hành bảo lãnh ngân hàng, phát hành thẻ tín dụng doanh nghiệp. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng, kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2018; thời hạn vay không quá 6 tháng. Lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân và tùy thuộc vào thị trường tiền tệ. Tài sản đảm bảo bao gồm toàn bộ máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, nhà cửa vật kiến trúc, các khoản phải thu theo hợp đồng thế chấp tài sản số 2152/IVB-HĐTC/2016 ngày 26/10/2016; hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 18/HĐTC quyền số 01/VPCC-HĐTC ký ngày 25/02/2014

{b}: Khoản vay theo HĐ tín dụng số 10/2017/HĐHM/PVB-CNTB ngày 11/09/2017 với ngân hàng PVCombank. Hạn mức 100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng chẵn), mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ HĐSXKD, phát hành LC, ngoại trừ kinh doanh BĐS. Thời hạn từ ngày 11/09/2017, thời hạn vay từng lần không quá 5 tháng. Lãi suất theo từng lần giải ngân. Tài sản là sổ tiết kiệm có giá trị tối thiểu 40 tỷ đồng và các nguồn thu khác.

{c} Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 27876.17.755.1155640.TD ngày 21 tháng 11 năm 2017. Tổng hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ đồng). Thời hạn hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 20 tháng 11 năm 2017. Thời hạn của mỗi khoản vay không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay được quy định trong từng khế ước nhận nợ cụ thể. Mục đích sử dụng vốn vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực dệt may. Tài sản bảo đảm là xe ô tô BKS 17A 05878, hàng tồn kho, khoản phải thu/quyền đòi nợ, tài sản khác của Công ty, đối với mở L/C là tiền ký quỹ 5%, hàng hóa hình thành từ phương án L/C 70%.

{d} - Khoản vay theo HĐTD số 3397/17/HĐTDHM-DS/013 ngày 01/08/2017 giữa Công ty và Ngân hàng HDBank. Hạn mức 50 tỷ (năm mươi tỷ đồng chẵn) hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động thanh toán tiền mua nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng, kể từ ngày 01 tháng 08 năm 2017, thời hạn nhận nợ 04 tháng. Lãi suất theo quy định của ngân hàng tại thời điểm giải ngân. Tài sản đảm bảo là tiền gửi ký quỹ, tiền gửi tại ngân hàng, các lô hàng nhập khẩu là Bông được ngân hàng phát hành L/C thanh toán, bộ chứng từ giao hàng xuất khẩu theo L/C

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017
 Đến ngày 31/12/2017

{e}: Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 483.HDĐTĐ.009.17 ngày 04 tháng 10 năm 2017 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Tổng hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng chẵn), trong đó cho vay ngắn hạn là 70.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ tương đương, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bông, sợi, khăn bông. Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng, kể từ ngày 04 tháng 10 năm 2017. Lãi suất theo hình thức cho vay ngắn hạn thả nổi, được xác định tại thời điểm giải ngân/thời điểm điều chỉnh lãi suất, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB trong từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật; đối với các khoản chiết khấu áp dụng theo quy định lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tài sản đảm bảo bao gồm: hàng tồn kho bông, sợi, khăn bông, sản phẩm dở dang (tại kho Damsan II - KCN Gia Lễ Thái Bình); hàng hóa hình thành trong tương lai (từ L/C nhập khẩu trực tiếp qua VIB) là bông nguyên liệu; quyền tài sản - chiết khấu hối phiếu kèm theo bộ chứng từ theo L/C xuất khẩu; quyền phải thu/ quyền đòi nợ từ hợp đồng xuất khẩu kèm L/C phát hành của người mua hàng với điều kiện tài khoản thanh toán mở tại VIB; cổ phần của chủ sở hữu công ty là ông Vũ Huy Đông.

{f}:'-Khoản vay theo HĐ tín dụng số 01/2017/2127123/HĐTĐ ngày 25/08/2017 với BIDV - Thái Bình. Hạn mức là 90 tỷ, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, chiết khấu, mở LC. Thời hạn hợp đồng kể từ ngày 25 tháng 08 năm 2017 đến ngày 31 tháng 07 năm 2018. Trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn, mở LC, dư Chiết khấu BCT được chuyển tiếp từ các HĐĐTĐ cụ thể theo HĐĐTĐ số 01/2016/2127123/HĐTĐ ngày 18 tháng 08 năm 2016.

{g} - Khoản vay theo HĐĐTĐ hạn mức số 1462-LAV-2017 ngày 23/08/2017, hạn mức tín dụng là 150.000.000.000 (Một trăm năm mươi tỷ đồng). Bao gồm: Vay ngắn hạn, số dư bảo lãnh, số dư phát hành thư tín dụng LC. Tài sản bảo đảm là toàn bộ công trình nhà máy sợi Damsan II được xây dựng theo GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BG 356643 do UBND tỉnh Thái Bình cấp ngày 11 tháng 05 năm 2012, số vào sổ cấp GCN "CT"0001281; 02 tài sản là toàn bộ thiết bị máy móc và các Hợp đồng tiền gửi của Công ty trị giá 10.7 tỷ.

21. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2017	30/09/2017
	VND	VND
a. Vay dài hạn bằng tiền VND	39,365,663,957	56,165,663,957
Công ty TNHH Thương mại và đầu tư xây dựng ACC		16,800,000,000
Ngân hàng NN& PTNT Chi nhánh Tây Đô_ Hà Nội (a)	3,995,767,857	3,995,767,857
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam- CN Thái Bình (b)	35,369,896,100	35,369,896,100
b. Vay dài hạn bằng tiền USD	10,733,666,948	17,888,063,851
Ngân hàng NN& PTNT Chi nhánh Tây Đô_ Hà Nội	934,426,557	1,864,742,547
Ngân hàng MBBank - CN Thái Bình (c)	9,799,240,391	10,846,186,011
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội Sở		1,456,990,158

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017
Đến ngày 31/12/2017

c. Nợ thuê tài chính dài hạn

Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt nam		3,720,145,135
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	50,099,330,905	74,053,727,808

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay khi đến hạn thanh toán.

{a}: Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở chính theo hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1326100281 ngày 26 tháng 09 năm 2013. Tổng hạn mức tín dụng 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng chẵn) hoặc ngoại tệ tương đương. Hợp đồng tín dụng hạn mức có hiệu lực trong vòng 48 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Mục đích vay tài trợ dự án mở rộng dây chuyền kéo sợi nổi cọc tại Nhà máy Damsan 1. Lãi suất cho vay trong hạn theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm giải ngân. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Các tài sản để đảm bảo cho khoản vay gồm máy kéo sợi, máy chải, máy đánh ống sợi, máy ghép, hệ thống điều không,....

{b}: Vay dài hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây đô theo các hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng số 28042009/HĐTDDH ngày 28 tháng 4 năm 2009 và phụ lục hợp đồng số 01 ngày 5 tháng 5 năm 2009. Hạn mức cho vay 85 tỷ đồng. Thời hạn 9.5 năm. Lãi suất áp dụng cho khoản vay VND tính theo lãi suất huy động 12 tháng của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô cộng (+) 3,5%/ năm, lãi suất áp dụng cho kỳ hạn đầu tiên kể từ ngày giải ngân là 10,5%/năm. Lãi suất áp dụng cho khoản vay USD tính theo lãi suất huy động tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định áp dụng tại ngày xác định lãi suất cộng (+) 3%/năm, lãi suất áp dụng cho lần nhận nợ đầu tiên xác định trên cơ sở lãi suất huy động tiết kiệm USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau do ngân hàng quy định áp dụng tại ngày nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng nhà xưởng, máy móc thiết bị của Dự án đầu tư nhà máy Damsan II - KCN Gia Lễ - Đông Mỹ - TP Thái Bình.

Hợp đồng tín dụng số 02122010/HĐTDDH ngày 2 tháng 12 năm 2010, số tiền vay cam kết tối đa là 45,5 tỷ đồng, thời hạn vay 7,5 năm, mục đích vay để đầu tư dự án mở rộng dây chuyền kéo sợi OE thuộc nhà máy Dệt sợi Dam San II, lãi suất của kỳ tính lãi đầu tiên là 16,5%/năm, tài sản thế chấp là các tài sản gắn liền với đất thuộc dự án.

{c}: Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thái Bình theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 3422.16.755.1155640.TD ngày 29 tháng 01 năm 2016. Tổng hạn mức 53 tỷ đồng. Lãi suất cho vay trong hạn là lãi suất thả nổi quy định tại văn bản nhận nợ giữa Ngân hàng và Công ty. Lãi suất nợ quá hạn không quá 150% lãi suất trong hạn. Mục đích vay là để xây dựng nhà xưởng và tài trợ nhập khẩu máy móc thiết bị cho "Dự án ĐTXD nhà máy dệt khăn cao cấp" Thời hạn vay mỗi khoản tín dụng không quá 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản khác hình thành từ vốn tự có để hoàn thiện dự án trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017
Đến ngày 31/12/2017

22. Vốn chủ sở hữu**a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

	31/12/2017	30/09/2017
	VND	VND
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủ công Mỹ nghệ	5,040,000,000	5,040,000,000
Công ty CP Thương mại Đầu tư Thái Bình	1,050,000,000	1,050,000,000
Ông Vũ Huy Đông	42,732,900,000	32,732,900,000
Ông Đỗ Văn Khôi	9,450,000,000	9,450,000,000
Ông Nguyễn Lê Hùng	9,530,000,000	9,530,000,000
Các cổ đông khác	187,375,110,000	95,431,910,000
Cộng	255,178,010,000	168,734,810,000

b. Cổ phiếu

	31/12/2017	30/09/2017
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25,517,801	16,873,481
- Cổ phiếu phổ thông	25,517,801	16,873,481
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25,517,801	16,873,481
- Cổ phiếu phổ thông	25,517,801	16,873,481
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu		

* Theo giấy chứng nhận số 55/GCN-UBCK ngày 25/09/2017 của Ủy ban chứng khoán nhà nước cho phép công ty cổ phần Damsan chào bán 9.994.493 cổ phiếu ra công chúng cụ thể:

+ Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 5.624.493 cổ phiếu

+ Chào bán cổ phiếu riêng lẻ: 4.370.000 cổ phiếu

* Đến ngày 21/12/2017 đã hoàn thành đợt phát hành Kết quả chào bán cổ phiếu theo đợt phát hành như sau:

Nội dung	Số cổ phần	Mệnh giá	Giá bán	Tổng giá trị phát hành	
				Mệnh giá	Thặng dư
Chào bán cho cổ đông hiện hữu	4,274,320	10,000	17,000	42,743,200,000	29,920,240,000
Cổ đông lưu ký	4,185,875	10,000	17,000	41,858,750,000	29,301,125,000
Cổ đông chưa lưu ký	88,445	10,000	17,000	884,450,000	619,115,000

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017
 Đến ngày 31/12/2017

Chào bán riêng lẻ	4,370,000	10,000	17,000	43,700,000,000	30,590,000,000
Bà Phan Thu Hương	1,000,000	10,000	17,000	10,000,000,000	7,000,000,000
Ông Vũ Huy Đức	600,000	10,000	17,000	6,000,000,000	4,200,000,000
Ông Vương Quốc Dương	270,000	10,000	17,000	2,700,000,000	1,890,000,000
Ông Vũ Huy Đông	1,000,000	10,000	17,000	10,000,000,000	7,000,000,000
Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Xây dựng ACC	1,000,000	10,000	17,000	10,000,000,000	7,000,000,000
Ông Đỗ Đức Khang	500,000	10,000	17,000	5,000,000,000	3,500,000,000
Cộng	8,644,320			86,443,200,000	60,510,240,000

Hiện tại công ty đang hoàn tất hồ sơ xin thay đổi đăng ký kinh doanh tăng vốn từ 168.734.481.000 đồng lên 255.178.010.000 VND dự kiến hoàn thành trong Quý I/2018

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	515,171,402,525	541,888,900,797
Trong đó		
+ Doanh thu bán hàng:	515,171,402,525	541,888,900,797
- Bán thành phẩm sản xuất	474,072,304,654	409,639,524,345
- Bán nhà ở xã hội	-	90,370,631,607
- Bán nhà ở thương mại	40,186,385,159	41,450,851,001
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	912,712,712	427,893,844
Các khoản giảm trừ doanh thu		-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	515,171,402,525	541,888,900,797
Doanh thu với các bên liên quan		
	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND
Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Xây dựng ACC	103,583,365,508	47,113,437,727
Công ty cổ phần sợi EIFFEL	80,926,977,000	77,782,980,775
Cộng	184,510,342,508	119,119,258,332

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	464,431,598,540	404,246,042,341
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	874,662,211	389,843,343
- Giá trị còn lại của tài sản và bất động sản đầu tư đã bán	36,533,077,417	108,492,095,606
Cộng	501,839,338,168	513,127,981,290

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13,040,273,225	4,662,925,458
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	0
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	0
Cộng	13,040,273,225	4,662,925,458

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017
 Đến ngày 31/12/2017

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017
	VND	VND
- Lãi tiền vay	4,013,183,237	7,770,489,365
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Cộng	4,013,183,237	7,770,489,365

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	136,473,913	145,855,262
Chi phí vật liệu, bao bì	4,050,000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,572,263,488	3,025,303,469
Chi phí bằng tiền khác	118,318,823	20,706,425
Cộng	3,831,106,224	3,191,865,156

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	689,567,464	753,198,995
Chi phí đồ dùng văn phòng	132,231,406	119,046,312
Chi phí khấu hao TSCĐ	390,156,906	251,937,305
Thuế, phí và lệ phí	34,032,120	31,701,101
Chi phí bằng tiền khác.	5,409,616,391	1,401,892,930
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,724,130,658	1,511,525,791
Cộng	8,379,734,945	4,069,302,434

7. Thu nhập khác

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán tài sản		-
- Thành phẩm thừa sau kiểm kê		-
- Các khoản khác	310,351,730	432,832,430
Cộng	310,351,730	432,832,430

8. Chi phí khác

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017
	VND	VND
Các khoản bồi thường, bị phạt	113,921,113	201,328,803
Cộng	113,921,113	201,328,803

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	10,344,743,793	20,954,120,568
Chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1,559,478,572	3,143,020,201

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chỉ tiêu	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	167,182,221,886	190,382,951,584
Chi phí nhân công	7,678,082,792	7,246,940,323
Chi phí khấu hao	8,868,795,998	7,571,272,554
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25,143,671,873	23,054,923,672
Chi phí khác bằng tiền	5,909,995,727	3,842,179,747
	214,782,768,276	232,098,267,880

12. Bên liên quan

Trong Quý Công ty có các giao dịch với bên liên quan như sau:

<i>Bán hàng</i>	Từ 01/10/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017
Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Xây dựng ACC	103,583,365,508	47,113,437,727
Công ty cổ phần sợi EIFFEL	80,926,977,000	77,782,980,775
	Từ 01/10/2017 đến	Từ 01/07/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN DAMSAN

Lô A4 - Đường Bùi Viện - KCN Nguyễn Đức Cảnh
 Thành phố Thái Bình, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2017
 Đến ngày 31/12/2017

<i>Mua hàng</i>	31/12/2017	đến 30/09/2017
Công ty TNHH Thương mại và đầu tư Xây dựng ACC	78,430,207,364	37,728,431,264
Công ty cổ phần sợi EIFFEL	125,674,338,787	108,671,228,245

13. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**13. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc Tế (IFC). Số liệu so sánh tại ngày 30/09/2017 là số liệu do công ty tự lập



Vũ Huy Đông

Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 01 năm 2018


Lê Xuân Chiến
Kế toán trưởng


Bùi Thị Thu Huyền
Người lập